

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27.11.2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Điền

- *Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thúy Kiên

2. Ông Tăng Văn Chính

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhân - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị E**

sinh năm 1975

Trú tại: khu vực P, phường L, quận T, thành phố Cần Thơ.

*(có đơn
xin xét xử vắng mặt)*

2. *Bị đơn:* Anh **Bùi Thanh T**

sinh năm 1968

Trú tại: khu vực P, phường L, quận T, thành phố Cần Thơ.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 22.6.2018 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Lê Thị E trình bày:

Vào năm 1993, chị với anh Bùi Thanh T tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T (cũ) nay là phường L, quận T ngày 15.10.2003.

Sau khi cưới, vợ chồng sống chung gia đình anh T tại khu vực P, phường L, quận T, thành phố Cần Thơ.

Quá trình chung sống vợ chồng thường hay cãi vã, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T không chí thú làm kinh tế mà hay tham gia cờ bạc. Chị có khuyên ngăn nhưng anh T không từ bỏ nên từ năm 2012 chị quyết định sống ly thân với anh T từ đó đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Thị Như X, sinh năm 1995 và Bùi Minh Y, sinh năm 1997. Hiện nay các con đã trưởng thành, lao động bình thường và tự nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: Chị E yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

Thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị E yêu cầu ly hôn đối với anh Bùi Thanh T.

- *Về con chung*: Đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng, không yêu cầu giải quyết;

- *Về nợ chung*: không có.

Đối với bị đơn anh Bùi Thanh T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết công khai, hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý số 335/2018/TB.TLVA-HNGĐ ngày 06.9.2018; Các Thông báo hòa giải số 200/2018/TB.TA ngày 21.9.2018, số 250/2018/TB.TA ngày 08.10.2018 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2018 ngày 24.10.2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 208/2018/QĐST-DS ngày 09.11.2018 nhưng anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

./ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

./ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị E đối với bị đơn anh Bùi Thanh T; Các con chung đã trưởng thành nên không giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Chị Lê Thị E với anh Bùi Thanh T tự nguyện yêu thương, được gia đình hai bên tác hợp và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L (cũ) nay là phường L, quận T nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn nên chị E có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*:

/ Nguyên đơn chị Lê Thị E vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

/ Bị đơn ông Bùi Thanh T đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng để triệu tập tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 3 điều 228, điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Chị E với anh T chung sống từ năm 1993, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị E trình bày thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh T không chí thú làm ăn mà tham gia cờ bạc, rượu trà, đập phá tài sản nên vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2012 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ kiện, chị E kiên quyết ly hôn; anh T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không thể hiện mong muốn hàn gắn lại quan hệ vợ chồng; Mặt khác, từ khi ly thân đến nay vợ chồng đã bỏ mặc mà không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy, tình trạng vợ chồng giữa chị E với anh T đã thật sự rạn nứt, thực tế hôn nhân đã chấm dứt, đời sống chung không thể tồn tại kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[4] *Về con chung*: Nguyên đơn trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Thị Như X, sinh năm 1995 và Bùi Minh Y, sinh năm 1997. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi hay con riêng nào khác. Do hiện nay các con đã trưởng thành và lao động bình thường do chị E không yêu cầu quyền nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] *Về tài sản chung*: Đương sự yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị E phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220, khoản 3 điều 228, điểm b khoản 2 điều 227 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị E đối với bị đơn anh Bùi Thanh T.

1. *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị E được ly hôn với anh Bùi Thanh T.
2. *Về con chung:* Con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.
3. *Về tài sản chung:* Ghi nhận ý kiến của đương sự về yêu cầu tự thỏa thuận giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.
4. *Về nợ chung:* Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.
5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Lê Thị E phải nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị E đã nộp theo phiếu thu số 004264 ngày 29.8.2018 được chuyển thành án phí. Chị E đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận T;
- THA quận T;
- UBND phường L
(nơi đkkh);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thanh Điền